

PHÂN TÍCH SẮC THÁI NGHĨA CẦU KHIẾN CỦA CÁC ĐỘNG TỪ RA LỆNH, CẤM, CHO PHÉP, YÊU CẦU, ĐỀ NGHỊ, KHUYÊN, MỜI, CHÚC, XIN TRONG CÂU TIẾNG VIỆT

Đào Thanh Lan^(*)

Việc giải thích ý nghĩa từ vựng của từ trong từ điển chỉ cung cấp những nét nghĩa cơ bản nhất ở chức năng định danh (gọi tên) thực tại. Từ các nét nghĩa cơ bản này, mọi người sử dụng chúng vào mục đích giao tiếp trong xã hội đã tạo ra nhiều sắc thái nghĩa dụng học (pragmatics) tinh tế. Do đó, đi sâu nghiên cứu hoạt động hành chức của ngôn từ để phân tích được sắc thái nghĩa dụng học của chúng chính là ứng dụng phương pháp nghiên cứu của ngữ học hiện đại vào phục vụ mục đích nói, viết đạt hiệu quả giao tiếp cao. Bài báo này trình bày một số kết quả phân tích bước đầu về sắc thái nghĩa của các động từ trên trong câu cầu khiến.

Cầu khiến là một trong các mục đích giao tiếp của hoạt động nói năng. Người nói dùng lời để thực hiện hành động nói (speech act) cầu khiến: yêu cầu người nghe thực hiện một hành động nào đó theo ý muốn của mình. Đây chính là ý nghĩa cầu khiến, thuộc về nghĩa tình thái (nghĩa dụng học) của câu tồn tại song song với nghĩa miêu tả (nghĩa phản ánh thực tại khách quan) vốn có trong câu. Hành động nói nhằm mục đích giao tiếp nhất định được gọi là hành động ngôn trung. Hành động ngôn trung này được thực hiện bằng một lực thông báo của phát ngôn gọi là lực ngôn trung. Phương tiện chỉ ra lực ngôn trung trong câu nói là những dấu hiệu ngữ pháp (hư từ, khuôn cấu trúc nhất định, ngữ điệu), ngữ nghĩa (ý nghĩa từ vựng của động từ).

Khi phân chia câu theo mục đích nói ta có ba kiểu loại lớn sau: trần thuật, hỏi và cầu khiến. Câu trần thuật (thuật (kể) lại các sự tình cho người nghe (đôi ngôn) biết, đồng tình và tư duy cùng mình. Về hình thức, nó gồm có cấu trúc đề - thuyết (chủ - vị) biểu thị phán đoán và trợ từ nhấn mạnh sự khẳng định của phán đoán như: chính, ngay, cả. Câu nghi vấn (hỏi) dùng để nêu lên điều chưa biết (hỏi về cái không rõ) và chờ đợi người nghe trả lời. Dấu hiệu hình thức đặc trưng của nó là sự có mặt của từ hỏi (ai, gì...), trợ từ chuyên dụng (à, hả...) hoặc khuôn cấu trúc hỏi (có...không, đã...chưa) đặt lồng vào cấu trúc đề - thuyết. Về câu cầu khiến, tác giả Hoàng Trọng Phiến [4] nhận xét: Câu cầu khiến nêu lên ý muốn của chủ thể phát ngôn và yêu cầu người nghe đáp lại bằng hành động. Do đó, câu cầu khiến gắn liền với ý nghĩa hành động. Nội hàm của khái niệm cầu khiến bao gồm sự mời mọc, yêu cầu, mệnh lệnh, cấm đoán, kêu gọi và chúc tụng. Về dạng thức, câu cầu khiến cũng có dạng khẳng định và phủ định (hãy và đừng/chớ). Phương tiện cầu khiến có ba loại: hư từ (hãy, đừng, chớ, nào...), thực từ có nghĩa cầu khiến (cấm, không được, mời, cho phép, chúc...) và ngữ điệu dùng như nhau cho mọi ngôi của chủ ngữ [4, tr.288 - 292].

Như vậy, câu được phân chia theo mục đích nói chính là được phân chia theo hành động ngôn trung.

Khái niệm cầu khiến bao gồm hai nét nghĩa tình thái cơ bản là tình thái "cầu" và

^(*) PGS., Khoa Ngôn ngữ học, Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

tình thái “khiến”. Trước đây, người ta hay dùng thuật ngữ “câu mệnh lệnh để chỉ loại câu có tình thái “khiến” đối lập với câu trần thuật và câu hỏi. Như vậy là chưa bao quát hết các kiểu câu. Các câu có tình thái “cầu” như yêu cầu, đề nghị, xin, mời, chúc không thể thuộc loại câu trần thuật hay câu hỏi trong khi chúng có nội dung giống như câu “khiến” (ra lệnh, cấm, cho phép, khuyên) ở chỗ đều thể hiện:

a. Sự đánh giá của người nói đối với sự tình được truyền đạt trong câu là nên hay không nên xảy ra.

b. Người nói yêu cầu, ra lệnh người nghe thực hiện một hành động cụ thể mà người nói cho là cần thiết.

Mặt khác, tình thái “cầu” phân biệt với tình thái “khiến” ở các tiêu chí sau:

- Xét về vị thế giao tiếp thì khi thực hiện hành động cầu người nói thường ở vị thế giao tiếp thấp hơn người nghe, còn khi thực hiện hành động khiến thì vai trò lại đối ngược, người nói có vị thế giao tiếp cao hơn người nghe.

- Xét về tính áp đặt (tính cưỡng bức, bắt buộc thực hiện hành động) thì hành động cầu không mang tính áp đặt, trong khi đó, hành động khiến lại mang tính áp đặt cho đối ngôn.

- Xét về tính lịch sự thì phát ngôn chứa hành động cầu có tính lịch sự cao còn phát ngôn chứa hành động khiến không có tính lịch sự hoặc tính lịch sự thấp.

Việc biểu hiện các nội dung này trước hết là do bản thân các động từ có ý nghĩa từ vựng “yêu cầu, ra lệnh...” thực hiện. Đây là phương tiện từ vựng. (Ngoài ra, nó có thể do phương tiện ngữ pháp (hư từ, ngữ điệu) thực hiện). Đặc điểm chung của các động từ này là chúng có tính ngôn hành. “Động từ ngôn hành là động từ mà khi

được dùng trong những điều kiện nhất định thì ngay việc sử dụng nó cũng chính là cái hành động mà nó biểu hiện” (Cao Xuân Hạo/1). Chẳng hạn trong câu “Tôi xin phép anh được nghỉ ngày mai”, động từ *xin phép* hiện diện đã biểu thị hành động xin phép của người nói tới người nghe. Xin phép thuộc hành động cầu khiến, cho nên động từ *xin phép* là động từ ngôn hành cầu khiến. Vì thế, trước khi đi vào phân tích nghĩa của từng động từ cụ thể, cần phải thực hiện thao tác nhận diện động từ ngôn hành biểu thị ý nghĩa cầu khiến.

Điều kiện để nhận diện các động từ có tính chất ngôn hành biểu thị ý nghĩa cầu khiến trong câu là:

a. Chủ ngữ của nó phải là ngôi thứ nhất (chủ ngữ có thể ẩn: vắng mặt) bởi vì chủ ngữ chính là người nói (chủ ngôn).

Ví dụ 1: Tao *cấm* mày nói bậy.

Ngôi 1

Nếu chủ ngữ ở ngôi thứ ba (người không tham gia hội thoại) thì câu nói chỉ có thể là câu trần thuật.

Ví dụ 2: Nó *cấm* mày không được đến nhà nó.

Ngôi 3

Chủ ngôn trong câu nói này không hề có hành động *cấm* mà anh ta chỉ miêu tả hành động *cấm* của người khác (nó). Động từ *cấm* 2 không có tính ngôn hành. Câu 2 không phải là câu có hành động cầu khiến trực tiếp.

b. Động từ ngôn hành bao giờ cũng được dùng trong mệnh đề chính của câu và phải được dùng ở thời hiện tại, không kèm theo các hư từ trở thời gian như đã, sẽ, đang, vừa, mới hoặc các từ phủ định: không, chưa, chẳng.

Ví dụ 3: Tôi *yêu cầu* anh kí ngay vào đây.

Nếu vi phạm điều kiện b thì động từ không có tính ngôn hành.

Ví dụ 4: Tôi đã yêu cầu anh làm việc ấy

c. Ý nghĩa ngôn hành chỉ thật mình bạch khi động từ có bổ ngữ trở đối tượng tiếp nhận hành động (gọi là tiếp thể) ở ngôi thứ hai. Nếu tiếp thể ở ngôi thứ ba thì câu có tình thái trần thuật. So sánh ví dụ 3 với ví dụ 5 sau:

Tôi yêu cầu nó kí ngay vào đây.

Do đó không có những động từ thường xuyên mang tính ngôn hành mà chỉ có những phát ngôn có được tính ngôn hành trong những điều kiện nhất định nhờ nó phát huy được ý nghĩa từ vựng đặc biệt vốn có ở một số động từ. Mô hình tồn tại của các động từ ngôn hành biểu thị ý nghĩa cầu khiến là:

Mô hình từ loại: (D1) + Vnhck + D2 + V2 trong đó D1 có thể ẩn.

Mô hình chức năng: C - V + B (c + v)

(Ghi chú: D1, D2 = danh từ ở ngôi 1, ngôi 2, V = động từ, Vnhck = động từ ngôn hành cầu khiến, C = chủ ngữ, V = vị ngữ, B = bổ ngữ, c = tiểu chủ ngữ, v = tiểu vị ngữ)

Sau đây là nghĩa của từng động từ cụ thể

1. Ra lệnh (biến thể: lệnh, hạ lệnh)

Ra lệnh có nghĩa là “đưa ra mệnh lệnh” (Từ điển Tiếng Việt).

Động từ này biểu thị tình thái “khiến” rất cao với hàm ý cưỡng ép, bắt buộc người nghe phải thực hiện mệnh lệnh bằng mọi giá. Sự cưỡng ép này được thiết lập trên cơ sở quyền lực. Chủ ngôn (người nói) có quyền hành, thứ bậc cao hơn đối ngôn (người nghe): ở gia đình là quan hệ giữa cha mẹ và con cái, trong quân đội là quan hệ giữa sĩ quan và binh lính, ở cơ quan là quan hệ giữa lãnh đạo và nhân viên.

Ví dụ: Tôi hạ sĩ Nguyễn Thành Nguyên ra lệnh cho binh nhất Nguyễn Văn Trung phải chấp hành mệnh lệnh. (Mặt trời bé con của tôi - Thủy Linh-58)

2. Cấm

Cấm có nghĩa là “không cho phép làm việc gì đó” (Từ điển Tiếng Việt).

Mức độ tình thái “khiến” của động từ *cấm* giống như động từ *ra lệnh*. Chủ ngôn của hành động *cấm* có quyền lực, ưu thế cao hơn đối ngôn.

Ví dụ: Tôi cấm cô không được nói với ai cả (X30 phá lưới - Đặng Thanh-31).

3. Cho phép (biến thể: cho)

Cho phép nghĩa là “làm cho người khác có điều kiện khách quan làm việc gì” (Từ điển Tiếng Việt).

Động từ *cho phép* không có tính “cầu”, chỉ biểu thị tính “khiến” như hai động từ trên song với mức thấp hơn thể hiện ở chỗ: hành động mà chủ ngôn cho phép đối ngôn thực hiện không hề có tính chất bắt buộc mà đây là sự đồng ý tạo điều kiện để đối ngôn thực hiện cái hành động có lợi cho đối ngôn.

Ví dụ: Cho phép anh em tự do buổi sáng hôm nay (Không phải trò đùa - Khuất Quang Thụy - 213).

4. Yêu cầu

Yêu cầu có nghĩa là “nêu ra điều gì đó với người nào đó, tỏ ý muốn người ấy làm, biết rằng đó là việc thuộc nhiệm vụ, trách nhiệm hoặc quyền hạn, khả năng của người ấy” (Từ điển Tiếng Việt).

Nghĩa của động từ *yêu cầu* bao gồm cả tính “khiến” và tính “cầu”. Tuy nhiên tính “khiến” của nó có mức độ nhẹ hơn động từ

ra lệnh và cấm. Hành động sai khiến ở đây bớt tính cưỡng bức (áp đặt), tăng tính lịch sự, tôn trọng đối ngôn do có tính thái “cầu” xuất hiện. Sự chênh lệch về vị thế giữa chủ ngôn và đối ngôn thấp hơn mức của động từ ra lệnh và cấm. Động từ yêu cầu thường được sử dụng trong bối cảnh có tính chất chính thức và trang trọng. Nó ít được sử dụng trong bối cảnh thân mật mang tính gia đình.

Ví dụ: Yêu cầu mọi người giữ trật tự (Xin đừng lỗi hẹn - Triệu Huấn-57).

5. Đề nghị

Đề nghị là “đưa ra ý kiến về một việc nên làm nào đó để thảo luận, để xét” (Từ điển Tiếng Việt).

Nghĩa của *đề nghị* gần giống nghĩa của *yêu cầu*, song tính “khiến” có mức độ thấp hơn *yêu cầu*, tính “cầu” lại cao hơn, vì vậy tính lịch sự, tôn trọng đối ngôn cũng cao hơn *yêu cầu*. Mối quan hệ giữa chủ ngôn và đối ngôn là bình đẳng hoặc chủ ngôn ở vị thế thấp hơn đối ngôn.

Ví dụ: Tôi đề nghị cô để cho tôi nghỉ trưa một lúc (X30 phá lưới - Đặng Thanh-312).

Tôi đề nghị chuẩn tướng xem xét cho (Xin đừng lỗi hẹn - Triệu Huấn-312).

Trong đơn từ của cấp dưới gửi lên cấp trên thường dùng *đề nghị*.

6. Khuyên

Khuyên nghĩa là “nói với thái độ ân cần cho người khác biết cái điều mà người đó nên làm” (Từ điển Tiếng Việt).

Động từ này mang tính “khiến” nhẹ nhàng. Chủ ngôn hàm ý mong muốn đối ngôn thực hiện hành động mà mình đưa ra

nhưng không hề có tính ép buộc mà chỉ là sự gợi ý, khuyên bảo của chủ ngôn tới đối ngôn dựa trên cơ sở có sự hiểu biết và kinh nghiệm nhiều hơn đối ngôn. Ngoài ra, *khuyên* còn thể hiện sự quan tâm của chủ ngôn đến đối ngôn.

Ví dụ: Ta khuyên thầy quản nên thay đổi chốn ở đi (Chữ người tử tù - Nguyễn Tuân-68).

7. Mời

Mời nghĩa là “tỏ ý mong muốn yêu cầu người khác làm việc gì đó một cách lịch sự, trân trọng” (Từ điển Tiếng Việt).

Động từ này vừa mang tính “cầu” vừa mang tính “khiến” nhưng tính “cầu” mạnh hơn tính “khiến”. Khi sử dụng động từ mời, chủ ngôn tỏ ý mong muốn yêu cầu đối ngôn làm việc gì đó có lợi cho đối ngôn với một thái độ lịch sự, trân trọng.

Ví dụ: Tiện bữa mời tiên sinh ngồi vào uống với cha con tôi chén rượu lạt (Búp sen xanh - Sơn Tùng-137).

8. Chúc (biến thể: cầu chúc)

Chúc nghĩa là “tỏ lời mong ước điều may mắn, tốt đẹp cho người khác” (Từ điển Tiếng Việt).

Động từ *chúc* không có tính “khiến”, chỉ có tính “cầu” lịch sự. Khi dùng động từ này, chủ ngôn mong muốn đối ngôn sẽ có được điều may mắn, tốt đẹp. Nhưng hành động mà chủ ngôn mong muốn đối ngôn thực hiện được chỉ là mong ước, chỉ là một giả định, trong tương lai đối ngôn có thể thực hiện được mà cũng có thể không thực hiện được.

Ví dụ: Chúc đại tá và thiếu tá ngủ trưa ngon giấc (Miền đất lạ - Nguyễn Sơn Tùng-76).

9. Xin (biến thể: xin phép)

Xin nghĩa là “ngó ý với người nào đó, mong muốn người ấy cho mình cái gì hoặc đồng ý cho mình làm điều gì. *Xin* dùng ở đầu lời yêu cầu biểu thị thái độ khiêm tốn, lịch sự. *Xin* dùng trong lời chào mời, cảm ơn biểu thị thái độ khiêm tốn, lễ phép” (Từ điển Tiếng Việt).

Trái ngược với tính “khiến” của các động từ *ra lệnh*, *cấm*, nghĩa của động từ *xin* chỉ bao gồm tính “cầu” thuần túy chứ không hề có tính “khiến”. Tính “cầu” của động từ *xin* rất mạnh. Nó gần như là một sự quy lụy, nhún nhường hết sức khiêm tốn của chủ ngôn đối với đối ngôn. Chủ ngôn mong muốn đối ngôn làm việc gì đó cho mình dựa trên phương diện tình cảm, sự hào tâm của đối ngôn đối với chủ ngôn. Ở một khía cạnh nào đó thì khi dùng động từ *xin*, chủ ngôn vừa thể hiện được sự lịch sự trong khi nói lại vừa thể hiện được thái độ tôn trọng, kính nể của mình tới đối ngôn. Mỗi quan hệ giữa chủ ngôn và đối ngôn là mỗi quan hệ giữa người có vị thế thấp và người có vị thế cao.

Ví dụ: Tôi xin đồng chí chú thích thêm cho cái bản thiết kế này, tôi không hiểu (Mưa tím - Trần Văn Tuấn-57).

Qua sự phân tích ở trên, ta thấy cả chín động từ trên đều có nghĩa cầu khiến. Tuy nhiên, mỗi động từ có sắc thái cầu khiến ở mức độ mạnh yếu khác nhau. Do đó, hoàn cảnh sử dụng các động từ này cũng khác nhau.

Nếu xét mức độ biểu thị nghĩa đi từ tính “khiến” đến tính “cầu” thì có thể chia thành 6 mức sau:

Mức 1: chỉ có tính “khiến” mạnh, không có tính “cầu”. Thuộc về mức này là các động từ nhóm 1 gồm: *ra lệnh*, *cấm* ở mức 1a, *cho phép* ở mức 1b.

Mức 2: có cả tính “khiến” và tính “cầu”. Tính “khiến” thấp hơn mức 1, cao hơn mức 3. Còn tính “cầu” ở mức thấp nhất dùng để biểu thị tính lịch sự. Thuộc về mức này là các động từ nhóm 2 như: *yêu cầu* ở mức 2a, *đề nghị* ở mức 2b.

Mức 3: chỉ có tính “khiến” ở mức nhẹ nhàng, thấp hơn mức 2. Thuộc về mức này có động từ nhóm 3: *khuyên*.

Mức 4: có cả tính “khiến” và tính “cầu”. Tính “khiến” ở mức thấp nhất. Tính “cầu” cao hơn mức 2. Thuộc về mức này là động từ nhóm 4: *mời*.

Mức 5: chỉ có tính “cầu” không có tính “khiến”. Tính “cầu” cao hơn mức 4. Thuộc về mức này là động từ nhóm 5: *chúc*.

Mức 6: chỉ có tính “cầu” rất cao. Thuộc về mức này là động từ nhóm 6: *xin*.

Có thể biểu diễn sắc thái nghĩa của 9 động từ trên thành sơ đồ theo thứ tự tính “khiến” giảm dần, tính “cầu” tăng dần như sau:

khiến (giảm dần)	1a : ra lệnh, cấm
	1b : cho phép
	2a : yêu cầu
	2b : đề nghị
	3 : khuyên
	4 : mời
cầu (tăng dần)	5 : chúc
	6 : xin

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Hữu Châu, *Ngôn ngữ học đại cương - ngữ dụng học*, Tập 2, NXB Giáo dục, 2001
2. Cao Xuân Hạo, *Tiếng Việt - sơ thảo ngữ pháp chức năng*, Tập 1, NXB Khoa học xã hội, 1991
3. George Yule, *Dụng học - Một số dẫn luận nghiên cứu ngôn ngữ* (bản dịch), NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003
4. Hoàng Trọng Phiến, *Ngữ pháp tiếng Việt - câu*, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1980.
5. Hoàng Phê (chủ biên), *Từ điển tiếng Việt - Trung tâm từ điển ngôn ngữ*, 1997
6. Austin.L., *How to do thing with words*, Oxford University Press, 1962
7. Palmer.F.R., *Mood and modality*, Cambridge University Press, 1986.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, SOC., SCI., HUMAN., T.XIX, N.4, 2003

ANALYSE THE REQUEST AND COMMAND MEANING OF VERBS
RA LỆNH, CẤM, CHO PHÉP, YÊU CẦU, ĐỀ NGHỊ, KHUYÊN,
MỜI, CHỨC, XIN IN VIETNAMESE SENTENCE

Assoc. Prof. Dao Thanh Lan

*Department of Linguistics
College of Social Sciences and Humanities - VNU*

These verbs are performatives verbs which expressing the request and command meaning in the request and command sentence of Vietnamese. Each verb has a difference in request and command level, therefore the way to use one of them is different.

Maybe distribute them to :

The first level is ra lệnh, cấm, cho phép verbs. These have strong command meaning, haven't request meaning.

The second level is yêu cầu, đề nghị verbs. These have command and request meaning. The command meaning is weaker than the first level. The request meaning of them is the weakest.

The third level is khuyên verb. It has command meaning. The command meaning is weaker than the second level.

The forth level is mời verb. It is has the command and request meaning. The command meaning is the weakest.

The fifth is chúc verb. It has request meaning and hasn't command meaning. The request meaning is stronger than the forth level.

The sixth level is xin verb. It has request meaning. The request meaning is the strongest.